

## VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)

Việt Nam chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội VI (tháng 12 – 1986) của Đảng. Trong 15 năm, từ năm 1986 đến năm 2000, nhân dân ta đã thực hiện ba kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm : 1986 – 1990, bước đầu công cuộc đổi mới ; 1991 – 1995, tiếp tục sự nghiệp đổi mới ; 1996 – 2000, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### I – ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử mới

Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế – xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng đó là do ta mắc phải *"sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện"*<sup>(1)</sup>.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Những thay đổi của tình hình thế giới và trong quan hệ giữa các nước do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trở thành xu thế thế giới ; cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại.

#### 2. Đường lối đổi mới của Đảng

Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 – 1986), được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại Đại hội VII (6 – 1991), Đại hội VIII (6 – 1996), Đại hội IX (4 – 2001).

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr. 26.

Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

#### **a) Đổi mới kinh tế**

– Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề ; nhiều quy mô, trình độ công nghệ, với 2 bộ phận chủ yếu là công nghiệp và nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau.

– Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế và tạo ra sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần.

– Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển. Cải tạo đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cải tạo phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ.

– Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Quản lí kinh tế không bằng mệnh lệnh hành chính, mà bằng biện pháp kinh tế, bằng khuyến khích lợi ích vật chất.

– Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, khai thác công nghệ, khai thác thị trường.

#### **b) Đổi mới chính trị**

– Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

– Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

– Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

– Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

– Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác, "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước".



– Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước và thế giới như thế nào ?

– Nêu nội dung đường lối đổi mới về kinh tế và chính trị của Đảng.

## II – QUÁ TRÌNH ĐẤT NƯỚC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 – 2000)

Đường lối đổi mới của Đảng được sự hưởng ứng rộng rãi của dư luận xã hội, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, đến năm 2000 đã thực hiện qua ba kế hoạch Nhà nước 5 năm.

### 1. Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 : Bước đầu công cuộc đổi mới

#### a) Đại hội VI (12 – 1986) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (họp từ ngày 15 đến ngày 18 – 12 – 1986) đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lí của Nhà nước trong thập kỉ đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kì đổi mới.

Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội IV và V của Đảng đề ra.

Tuy nhiên, đến Đại hội VI, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kì quá độ tiếp tục được cụ thể hoá trên cơ sở nâng cao nhận thức về đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là *cả một thời kì lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đường đầu tiên*. Trước mắt, trong 5 năm (1986 – 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*.

Muốn thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế, thì *nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu* và được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lực, vật tư, lao động, kĩ thuật v.v...





Hình 96. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12 - 1986)

#### **b) Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới<sup>(1)</sup>**

Công cuộc đổi mới bước đầu đạt được thành tựu, trước tiên là trong việc thực hiện các mục tiêu của Ba chương trình kinh tế :

– *Về lương thực, thực phẩm*, từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập 45 vạn tấn gạo, đến năm 1989, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất – nhập khẩu. Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, vượt năm 1987 là 2 triệu tấn, và năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.

– *Hàng hoá trên thị trường*, nhất là hàng tiêu dùng, đổi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch, vẫn tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường. Phân bao cấp của Nhà nước về vốn, giá, vật tư, tiền lương... giảm đáng kể.

– *Kinh tế đối ngoại* phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức... đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, H., 1991, tr. 17 – 27 và tr. 50 – 51.

Từ năm 1986 đến năm 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Từ năm 1989, ta tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập khẩu.

– Đã kiểm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1988 là 14% thì năm 1990 là 4,4%. Nhờ kiểm chế được lạm phát, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

– *Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.* Đây là chủ trương chiến lược lâu dài của Đảng. Chủ trương này thực sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội.

Bộ máy Nhà nước các cấp ở trung ương và địa phương được sắp xếp lại. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.

Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

- + Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài.
- + Chế độ tiền lương bất hợp lý, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.
- + Sự nghiệp văn hoá có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, ăn hối lộ, mất dân chủ, bất công xã hội và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.

## **2. Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995 : Tiếp tục sự nghiệp đổi mới**

### **a) Đại hội VII (6 – 1991) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp từ ngày 24 đến ngày 27 – 6 – 1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu,

ưu điểm đã đạt được ; khắc phục những khó khăn, yếu kém mắc phải trong bước đầu đổi mới ; ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh trong quá trình đó ; điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới (đề ra từ Đại hội VI) để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

Ngoài việc quyết định những nhiệm vụ cách mạng trong nhiệm kỳ, Đại hội VII của Đảng còn quyết định một số vấn đề về chiến lược lâu dài ; đó là thông qua "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" và "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000".

Bước vào nhiệm kỳ Đại hội VII của Đảng, tình hình thế giới và trong nước có những thay đổi lớn, nhất là sự thay đổi ở Liên Xô và của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, tác động đến quá trình đổi mới của ta.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (đề ra từ Đại hội VI), Đại hội VII của Đảng đề ra nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội của kế hoạch 5 năm (1991 – 1995) là : *đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát ; ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội ; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân ; bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.*

Để thực hiện mục tiêu trên, cần phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh *Ba chương trình kinh tế* với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hoá.

#### **b) Tiến bộ và hạn chế của sự nghiệp đổi mới <sup>(1)</sup>**

Thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1991 – 1995), trên các lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đạt được những thành tựu và tiến bộ to lớn.

*– Nhịp độ phát triển kinh tế được đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức.*

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm là 8,2% ; công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,3% ; nông nghiệp là 4,5%. Sản lượng lương thực 5 năm này tăng 26% so với 5 năm trước, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, tr. 154 – 166.



Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với năm 1990. Vận tải hàng hoá tăng 62%. Thị trường hàng hoá trong nước phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ : nạn lạm phát ở mức cao từng bước bị đẩy lùi, từ mức 67,1% năm 1991, xuống mức 12,7% năm 1995. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách được kiểm chế.

– *Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh.*



**Hình 97.** Xuất khẩu gạo tại cảng Sài Gòn

Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 17 tỉ USD ; tăng số mặt hàng có khối lượng xuất khẩu lớn như dầu thô, gạo, cà phê, hải sản, may mặc...

Trong 5 năm, nhập khẩu trên 21 tỉ USD. Tỷ trọng nhập khẩu vật tư, thiết bị tăng lên, đáp ứng được nhu cầu phát triển. Quan hệ mậu dịch mở rộng với trên 100 nước và tiếp cận với nhiều thị trường mới.

Nhà nước đã mở rộng quyền xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, ban hành một số chính sách khuyến khích xuất khẩu.

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm tăng nhanh, bình quân hàng năm là 50%. Đến cuối năm 1995, tổng số vốn đăng kí cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt trên 19 tỉ USD, trong đó có khoảng 1/3 đã được thực hiện.

– *Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hoá và xã hội có những chuyển biến tích cực.*

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới sau một số năm giảm sút. Mạng lưới trường phổ thông được mở rộng đến khắp các xã, phường ; cơ sở vật chất được cải thiện. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em người dân tộc thiểu số.

Chủ trương đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước được toàn dân hưởng ứng. Phong trào xoá đói giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng được mở rộng.

Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện với mức độ khác nhau. Nhiều địa phương đã thanh toán được nợ đói. Mỗi năm giải quyết được việc làm cho hơn 1 triệu lao động.

*– Ổn định tình hình chính trị – xã hội được giữ vững, quốc phòng và an ninh được củng cố.*

*– Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.*

Đến năm 1995, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Các công ti của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển. Tháng 7 – 1995, Việt Nam và Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Ngày 28 – 7 – 1995, nước ta chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).



**Hình 98.** Lễ kết nạp Việt Nam là thành viên thứ bảy của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)



Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, bên cạnh thành tựu và tiến bộ, còn nhiều khó khăn và tồn tại chưa được giải quyết.

- + Nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo trên thế giới ; lực lượng sản xuất nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu ; trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm ; năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình thấp.
- + Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp chưa được ngăn chặn. Những hiện tượng tiêu cực nghiêm trọng kéo dài trong bộ máy Nhà nước.
- + Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp cư dân tăng nhanh. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, còn nhiều khó khăn.

### **3. Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000 : Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

#### **a) Đại hội VIII (6 – 1996) của Đảng và nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (họp từ ngày 28 – 6 đến ngày 1 – 7 – 1996) đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đất nước thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong nhiệm kì mới.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình, từ nhận định *nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội* và căn cứ vào "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội", Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh *"nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*.

Đại hội của Đảng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm 1996 – 2000 là : *Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.*

#### **b) Chuyển biến tiến bộ và khó khăn, hạn chế của công cuộc đổi mới <sup>(1)</sup>**

Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000 được thực hiện trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít khó khăn thách thức do tác động tiêu cực của cuộc

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 73 – 76 và tr. 222 – 259.

khủng hoảng kinh tế – tài chính khu vực (1997 – 1999) cùng với thiên tai liên tiếp xảy ra. Trong bối cảnh đó, kinh tế – xã hội nước ta tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng.

*– Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực.*

Trong 5 năm, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm 7% ; công nghiệp tăng bình quân hàng năm 13,5% ; nông nghiệp là 5,7%. Lương thực bình quân đầu người tăng từ 360 kg năm 1995 lên 444 kg năm 2000.

Nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế – xã hội.

Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá : Trong tổng sản phẩm xã hội, tăng tỉ trọng công nghiệp từ 28,7% năm 1995 lên đến 36,6% năm 2000, giảm tỉ trọng nông nghiệp từ 27,2% xuống còn 24,3%.

*– Các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp.*

Đã cải thiện một bước quan hệ tích lũy và tiêu dùng theo hướng tích lũy cho phát triển.

Tổng nguồn vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 5 năm khoảng 440 000 tỉ đồng, tương đương 40 tỉ USD, tốc độ tăng bình quân 8,6%/năm.

*– Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển.*

Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 51,6 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm 21%. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp (kể cả tiểu, thủ công nghiệp) tăng nhanh, năm 2000 đạt 10 tỉ USD, gấp hơn 3,4 lần năm 1995. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4,3 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần năm 1995, với 3 mặt hàng chủ lực là gạo (đứng thứ hai thế giới), cà phê (đứng thứ ba) và thủy sản.

Nhập khẩu khoảng 61 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm 13,3% ; tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa vào thực hiện đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

Các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 2000, đã có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ.

*– Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.*

Đến hết năm 2000, có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xoá nạn mù chữ ; một số tỉnh, thành phố bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập Trung học cơ sở.

*– Các lĩnh vực văn hoá – xã hội có bước phát triển đáng kể.*

Trong 5 năm, có khoảng 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc, bình quân mỗi năm thu hút 1,2 triệu người.

Tỉ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước giảm, từ 20% năm 1995 xuống còn 10% năm 2000.

*– Tình hình chính trị – xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng – an ninh được tăng cường ; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.*

Đến năm 2000, nước ta có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài<sup>(1)</sup>.



**Hình 99.** Cầu Mỹ Thuận trên sông Tiền (khánh thành ngày 21 – 5 – 2000)

Những thành tựu và ưu điểm trong 5 năm (1996 – 2000) và nói chung trong 15 năm (1986 – 2000) thực hiện đường lối đổi mới đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu và ưu điểm, chúng ta gặp không ít khó khăn và yếu kém.

(1) Việt Nam là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 7 – 11 – 2006, Việt Nam là uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 – 2009 từ ngày 1 – 1 – 2008.



- + *Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc ; năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể chưa mạnh.*
- + *Một số vấn đề văn hoá – xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao.*
- + *Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.*

Trong bối cảnh lịch sử đầu thế kỉ XXI, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4 – 2001) đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2001 – 2005) và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm (2001 – 2010), nhằm "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại...". Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2001 – 2005) là rất quan trọng đối với việc thực hiện chiến lược 10 năm (2001 – 2010).

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm đầu tiên của thế kỉ XXI, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi và thời cơ, nhưng cũng gặp không ít khó khăn và thách thức đan xen nhau. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta luôn chủ động nắm bắt thời cơ, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn tỉnh táo đoán biết và kiên quyết đẩy lùi nguy cơ, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên mạnh mẽ, đúng hướng.



– *Nêu nhiệm vụ và mục tiêu của từng kế hoạch Nhà nước 5 năm : 1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000.*

– *Trình bày thành tựu và yếu kém về kinh tế – xã hội của nước ta trong từng kế hoạch Nhà nước 5 năm : 1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000.*

## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. *Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ Đại hội VI (12 – 1986) của Đảng được hiểu như thế nào ?*
2. *Nêu ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế – xã hội nước ta trong 15 năm (1986 – 2000) thực hiện đường lối đổi mới.*
3. *Hãy nêu những khó khăn và yếu kém về kinh tế – xã hội của ta sau 15 năm (1986 – 2000) thực hiện đường lối đổi mới.*

**QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt những thành tựu to lớn : thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà, khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh ; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan : nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần ; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng ; duy trì quá lâu cơ chế quản lí kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp ; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế – xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi : chính quyền thuộc về nhân dân, nước nhà đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình đất nước và thế giới như trên, chúng ta phải tiếp tục nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội :

– Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

(Đảng Cộng sản Việt Nam :

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

NXB Sự thật, H., 1991, tr. 3 - 4 và tr. 8 - 9)